

Phát triển con người và phát triển con người Việt Nam qua các báo cáo thường niên về phát triển con người của UNDP¹

HỒ SĨ QUÝ^(*)

I. Về quan điểm con người là trung tâm của sự phát triển

Những năm gần đây, ở nước ta, quan niệm coi *con người là trung tâm* đã trở thành cách nhìn, cách nghĩ có sức hấp dẫn, thu hút đông đảo các nhà lý luận và các nhà hoạt động chính trị - xã hội quan tâm ứng dụng vào lĩnh vực công tác của mình. Điều này có thể do nhiều nguyên nhân, song trước hết phải thừa nhận rằng, cùng với quá trình đổi mới, các khoa học xã hội và nhân văn nước ta đã từng bước tiếp cận được với không khí học thuật chung của thế giới, mà một trong những đặc điểm của khoa học xã hội và nhân văn thế giới từ thập kỷ 90 (thế kỷ XX) là trở về với quan niệm coi *con người là trung tâm* của sự phát triển kinh tế - xã hội. Hơn nữa, do nhu cầu của quá trình hội nhập và mở cửa, các nhà khoa học và các nhà hoạt động chính trị - xã hội Việt Nam đã có cơ hội để tham gia tích cực hơn vào hoạt động của các tổ chức quốc tế, đặc biệt là tổ chức UNDP thuộc Liên Hợp Quốc - một tổ chức có vai trò đáng kể trong việc kêu gọi các chính phủ đừng quá chú trọng đến tăng trưởng kinh tế mà hãy chú trọng đến con người và môi trường, trong đó *con người cần phải được coi là chiếm vị trí trung tâm* của sự phát triển.

Quan điểm coi *con người chiếm vị trí trung tâm của sự phát triển kinh tế - xã hội* hiện đang là yêu cầu mang tính nguyên tắc

¹ United Nations Development Programme

(*) PGS.TS., Viện trưởng Viện Thông tin KHXH. Những luận điểm chính của bài này đã được công bố tại *Hội nghị quốc gia về phát triển bền vững*. Hà Nội, 15-16/12/2004. Xem chi tiết tại: <http://www.va21.org>

đối với các chính phủ trong việc hoạch định các chiến lược phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, phát triển văn hoá, phát triển xã hội và phát triển chính con người vì mục tiêu phát triển bền vững (Sustainable Development). Song đến lượt mình, phát triển bền vững về thực chất lại cũng nhằm đến mục tiêu phát triển con người bền vững (Sustainable Human Development). Bởi lẽ, chỉ đối với con người, phát triển mới là mục đích tự thân (I. Kant - phát triển con người là vì chính nó chứ không phải là phương tiện cho một sự phát triển nào khác); mọi sự phát triển của các lĩnh vực khác, ngay cả khi đáp ứng nhu cầu của sự phát triển bền vững, cũng đều (trực tiếp hoặc gián tiếp) nhằm tới sự phát triển trường tồn của con người.

Tư tưởng đề cao con người, gắn phát triển con người với phát triển bền vững như trên là sản phẩm của thời đại ngày nay; mặc dù về mặt lý thuyết, con người xưa nay luôn được hầu hết các xã hội chú trọng. Vấn đề là ở chỗ, không phải cứ chú trọng con người là có thể làm cho con người được phát triển một cách toàn diện và bền vững. Từ nhận thức lý luận đến việc đề ra các chính sách cụ thể, khả thi trong thực tiễn nhằm phát huy nhân tố con người, coi con người thực sự là mục tiêu, là động lực của sự phát triển là cả một quá trình, đòi hỏi phải có những giải pháp thông minh, trên cơ sở thấu hiểu đời sống xã hội trong từng giai đoạn cụ thể. Chính vì thế, mới có ý kiến cho rằng, trước đây, con người đã bị lãng quên và bây giờ, thế giới đang phải "trở lại với con người". Con người bị chính con người lãng quên - điều tưởng chừng vô lý ấy đã xảy ra và đây là bài học đòi hỏi các đầu óc chiến lược phải chú trọng đến vấn đề phát triển con người bền vững (xem: 3, 4 và 13).

Rõ ràng, việc đề cao con người, coi con người, chứ không phải bất cứ một cái gì khác (dù đáng giá đến mấy, chẳng hạn, khoa học, kinh tế, công nghệ, tiện nghi vật chất, v.v...) là mục tiêu của sự phát triển, tỏ ra là hợp lý hơn cả. Không phải ngẫu nhiên mà triết lý *con người là trung tâm của sự phát triển* lại làm thoả mãn được thái độ của nhiều cộng đồng, nhiều giới chức xã hội: mọi nền văn hoá, mọi tôn giáo, mọi chính kiến... dù khác nhau đến mấy cũng đều thừa nhận giá trị con người và đều phấn đấu vì sự phát triển của chính con người.

MỘT VÀI TƯ TƯỞNG TIÊU BIỂU TRƯỚC K. MARX VỀ CON NGƯỜI

- Con người là thước đo của vạn vật (Protagore).
- Bẩm sinh, con người là một động vật chính trị (Aristote).
- Con người - cây sậy biết tư duy. Sự vĩ đại của con người là ở trong phương thức suy nghĩ của nó (Pascal).
- Con người là một giá trị và là giá trị cao nhất (D. Diderot).
- Con người - động vật biết chế tạo công cụ lao động (B. Franklin).
- Con người là một động vật kinh tế (F. W. Taylor).
- Con người là thực thể độc nhất vô nhị. Con người là mục đích tự thân (Kant).

Tư tưởng đề cao con người, coi con người là trung tâm của sự phát triển kinh tế - xã hội, ngày nay được hiểu là tư tưởng của UNDP, nhưng thực ra, từ rất lâu trước UNDP, tư tưởng này đã là quan điểm cốt lõi của *chủ nghĩa coi con người là trung tâm* (anthropocentrism²), một triết thuyết có từ thời cổ đại và được coi là “mô hình châu Âu về sự cảm nhận thế giới”. Điều đáng lưu ý là, quan điểm về con người của UNDP và quan điểm anthropocentrism rất khác nhau. Đều thừa nhận *con người là trung tâm*, nhưng hai quan điểm này được chỉ đạo bởi các triết lý có định hướng khác nhau. Hầu hết các quốc gia và các nhà hoạt động chính trị - xã hội ở các nước thuộc tổ chức Liên Hợp Quốc đều tán thành quan niệm *con người là trung tâm* của UNDP, thừa nhận những định hướng tiến bộ của quan niệm này và coi quan niệm này là phù hợp với tiến trình phát triển của xã hội hiện đại (xem: 5, tr. 131; 6; 9). Nhưng không nhiều người đồng ý với quan niệm của anthropocentrism, vì cho rằng anthropocentrism là một triết thuyết khá cực đoan, đã bị phê phán nhiều và việc ứng dụng nó có thể làm nảy sinh những định hướng hoạt động xã hội thiếu sáng suốt.

² Ở nước ta, *anthropocentrism* thường được dịch là "học thuyết coi con người là trung tâm", "chủ nghĩa coi con người là trung tâm", đôi khi có tác giả dịch là "học thuyết duy nhân loại", "chủ nghĩa duy nhân loại" hoặc "học thuyết duy con người", "chủ nghĩa duy con người".

Sở dĩ tư tưởng coi con người là trung tâm của sự phát triển, ngày nay được gắn với các hoạt động của UNDP là vì, vào thập niên cuối cùng của thế kỷ XX, UNDP đã cải tạo lại, và cải tạo rất thành công *anthropocentrism* - lấy lại quan điểm anthropocentrism, nhưng không đi theo truyền thống mà Teilhard de Chardin đã đề xướng. UNDP đề cao con người nhưng không chỉ là con người cá thể, cá nhân, mà là con người của số đông - con người cộng đồng. UNDP coi con người là trung tâm nhưng không phải là trung tâm của vũ trụ hay của nhận thức, mà chỉ là trung tâm của sự phát triển kinh tế - xã hội. Khi thừa nhận con người là nguồn lực vô tận, là nhân tố quyết định, là mục tiêu của sự phát triển, người ta không ngần ngại phê phán những quan điểm ít nhiều phiến diện như coi *phát triển đơn thuần chỉ là phát triển kinh tế hay kỹ nghệ; coi tăng trưởng kinh tế đồng nghĩa với phát triển; chú trọng phát triển nhưng vô tình hoặc cố ý bỏ quên con người; nhìn con người chỉ như là công cụ, là phương tiện của sự phát triển, v.v...* Tư tưởng đề cao con người của UNDP đã ít nhiều cảnh báo được một số chính phủ tránh thái độ *bằng mọi giá* nhằm đến tăng trưởng kinh tế, định hướng cho các kế hoạch xã hội *đừng quên* mục tiêu phát triển con người và bảo vệ môi trường, trong đó *con người cần phải được coi là trung tâm* của sự phát triển.

Quan niệm coi *con người là trung tâm*, trên những nét chủ yếu, là phù hợp với thái độ tôn vinh con người của tư tưởng truyền thống của Việt Nam và cũng phù hợp với quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam từ lâu đã xác định tầm quan trọng của việc xây dựng con người và kể từ cuối thập kỷ 1980, đã coi con người là *động lực* và là *mục tiêu* của sự phát triển kinh tế - xã hội. Điều này được ghi trong văn kiện Đại hội VIII của Đảng (xem: 1, tr. 85; 2, tr. 56).

NHỮNG TƯ TƯỞNG CƠ BẢN CỦA K. MARX VỀ CON NGƯỜI

- Con người là thực thể tự nhiên có tính người (*Bản thảo kinh tế-triết học năm 1844*).
- Con người - Đó là những cá nhân hiện thực, là hoạt động của họ và những điều kiện sinh hoạt vật chất của họ, những điều kiện mà họ thấy có sẵn cũng như những điều kiện do hoạt động của chính họ tạo ra (*Hệ tư tưởng Đức*).
- Con người - Hoạt động sống của họ như thế nào thì họ như thế ấy. Do đó, họ là như thế nào, điều đó ăn khớp với sản xuất của họ, với *cái* mà họ sản xuất ra cũng như với *cách* mà họ sản xuất. Do đó, những cá nhân là thế nào, điều đó phụ thuộc vào những điều kiện vật chất của sản xuất của họ (*Hệ tư tưởng Đức*).
- Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hoà các quan hệ xã hội (*Luận cương về Feurbach*).
- Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người (*Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*).
- Con người trước hết cần phải ăn, uống, chỗ ở và mặc đã, rồi mới có thể làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo và v.v... (*Lời tựa Góp phần phê phán kinh tế học chính trị 1859*).

II. Về khái niệm Phát triển con người

Triết lý *con người là trung tâm* của UNDP có phạm trù hạt nhân của nó là *phát triển con người*, được đưa ra năm 1990 cùng với Báo cáo đầu tiên về phát triển con người. Từ đó đến nay, Báo cáo Phát triển con người (HDR - Human Development Report) đã được UNDP xuất bản thường niên. Ngoài ra, bên cạnh Báo cáo chung của UNDP, còn có hơn 100 nước, dưới sự điều phối của UNDP, đã công bố HDR của riêng mình. Báo cáo của Việt Nam (do Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia chủ trì thực hiện) được xuất bản năm 2001 với chủ đề "Đổi mới vì sự nghiệp phát triển con người"; sự kiện này đã thu hút được sự quan tâm của đông đảo dư luận và đã

được UNDP bình chọn tặng thưởng vào năm 2002 (xem: 10).

Phát triển con người đã được sử dụng từ lâu trong các ngôn ngữ khác nhau như một thuật ngữ thông dụng. Hơn nữa, ở Việt Nam, *phát triển con người* cũng từ lâu đã được biết tới như là một khái niệm rất cơ bản trong "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản" nổi tiếng. Nhưng phải thừa nhận rằng, khái niệm *phát triển con người* (Human Development) như hiện tại đang được sử dụng phổ biến ở các quốc gia thành viên của tổ chức LHQ, thì chỉ mới xuất hiện cùng với *HDR 1990* với tuyên ngôn đầy ấn tượng của nó: "Của cải đích thực của một quốc gia là con người của quốc gia đó. Và mục đích của phát triển là để tạo ra một môi trường thuận lợi cho phép con người được hưởng cuộc sống dài lâu, khoẻ mạnh và sáng tạo. Chân lý giản đơn nhưng đầy sức mạnh này rất hay bị người ta quên mất trong lúc theo đuổi của cải vật chất và tài chính" (11, HDR 1990). Nội dung chủ yếu của khái niệm *phát triển con người* gồm:

1. Phát triển con người là quá trình mở rộng cơ hội lựa chọn của từng người và của từng cộng đồng. Ở đâu con người có nhiều cơ hội hơn để lựa chọn, thì ở đó điều kiện phát triển con người sẽ tốt hơn.

2. Phát triển con người là quá trình tăng cường các năng lực lựa chọn cho từng người và từng cộng đồng. Ở đâu con người có năng lực lựa chọn cao hơn, thì ở đó trình độ phát triển con người cũng cao hơn. Các năng lực của con người cần được tăng cường bao gồm các *năng lực sinh thể* (mà trước hết là sức khỏe) và các *năng lực tinh thần* (mà trước hết là tri thức). Các cơ hội cho hoạt động của con người cần được mở rộng bao gồm các *hoạt động lao động và nghỉ ngơi*. Mở rộng các hoạt động được hiểu theo nghĩa là con người có khả năng sử dụng ngày càng tốt hơn năng lực sinh thể và năng lực tinh thần của mình trong công việc và trong nghỉ ngơi.

3. Quá trình mở rộng cơ hội và tăng cường năng lực lựa chọn chính là môi trường làm cho khả năng sáng tạo, sống khỏe mạnh, được học hành và trường thọ... của con người tăng lên.

Như vậy, tư tưởng về *sự mở rộng các lựa chọn cho mọi người* có hạt nhân hợp lý của nó. Phát triển con người không phải là phương tiện mà là mục tiêu của sự phát triển. Nhằm mục tiêu đó,

chất lượng sống của con người (cái không hề trừu tượng mà có thể đo đếm được) được xem như tương đương với *hạnh phúc* hay cũng chính là *hạnh phúc*. Con người trong quan niệm này chiếm vị thế trung tâm của sự phát triển kinh tế - xã hội. Vị thế *trung tâm của sự phát triển* ở đây được hiểu rất cụ thể. Trung tâm, nghĩa là con người đóng vai trò quyết định ở cả “đầu vào”, ở cả “đầu ra” và trong toàn bộ *quá trình phát triển*. Ở “đầu vào” nhân tố quyết định sự phát triển là *vốn con người, tiềm năng con người*. Ở “đầu ra”, mục tiêu của sự phát triển là *chất lượng sống, phát triển con người, hạnh phúc con người*. Trong suốt quá trình phát triển, nhân tố quyết định là *nguồn nhân lực*, là *nguồn lao động*, con người là *động lực* của sự phát triển.

III. Về bộ công cụ các chỉ số phát triển con người (HDI)

Gắn liền với lý thuyết phát triển con người (HD) của UNDP là bộ công cụ đo thực trạng phát triển con người. Khoa học xã hội phương Tây rất chú trọng nghiên cứu định lượng, người ta rất sợ những nghiên cứu thuần định tính không có cơ sở định lượng kèm theo. Bởi vậy ngay từ năm 1990, khi công bố Báo cáo đầu tiên về phát triển con người, UNDP đã đưa ra chỉ số phát triển con người (HDI – Human Development Index) để đo đạc những *khía cạnh cơ bản của năng lực con người*.

HDI là một hệ tiêu chí có ý nghĩa đặc biệt đối với phát triển bền vững nói chung. Hệ tiêu chí này bao gồm hàng loạt các chỉ số thể hiện chất lượng sống (phản ánh qua chỉ số kinh tế - mức thu nhập quốc dân, thu nhập quốc dân bình quân/người), năng lực sinh thể của người dân (phản ánh qua chỉ số tuổi thọ), và năng lực tinh thần của người dân (phản ánh qua chỉ số giáo dục). Hiện nay, trong các Báo cáo Phát triển con người, số lượng các chỉ số được đo đạc đã bổ sung thêm nhiều; báo cáo 2004 và 2005 đã xuất hiện gần 100 chỉ số, song khi tính toán, người ta vẫn quy về ba chỉ số cơ bản (điều kiện sống, năng lực sinh thể và năng lực tinh thần), phản ánh ba mặt cơ bản của sự phát triển con người. Các chỉ số khác, trên thực tế, chỉ là bổ sung nhằm làm rõ những khía cạnh, những sắc thái khác nhau của ba chỉ số cơ bản đó.

Các chỉ số HDI có giá trị từ 0 (thấp nhất) đến 1 (cao nhất). Với Báo cáo năm 2005, chỉ số giáo dục được coi là có giá trị bằng 1

khi 100% người lớn (trên 15 tuổi) biết đọc, biết viết; bằng 0 khi 0% người lớn (trên 15 tuổi) biết đọc, biết viết. Chỉ số tuổi thọ được coi là có giá trị bằng 1 khi tuổi thọ bình quân là 85 tuổi; bằng 0 khi tuổi thọ bình quân chỉ đạt 25 tuổi. Chỉ số kinh tế được coi là có giá trị bằng 1 khi GDP bình quân đầu người đạt 40.000 USD (tính theo sức mua ngang giá - PPP); bằng 0 khi GDP bình quân đầu người chỉ đạt 100 USD (tính theo PPP).

Khi đo bằng khoảng cách từ 0 đến 1, mỗi nước sẽ thấy được tiến bộ của mình so với các năm trước và so với giá trị lý tưởng là 1. Vị trí xếp hạng của mỗi nước trong bảng những nước được tính HDI cho phép mỗi nước thấy được tiến bộ mà mình đã đạt so với các nước khác. Hai đại lượng này (độ chênh lệch HDI giữa các nước và khoảng cách giữa chỉ số mà mỗi nước đã đạt được so với chỉ số lý tưởng) chính là căn cứ rất cụ thể cho phép mỗi nước hình dung được cái đích (tương đối) của sự tiến bộ còn ở phía trước bao xa.

Trong Báo cáo Phát triển con người năm 2004, với sự khảo sát 177 quốc gia, UNDP đưa ra kết quả là Việt Nam xếp thứ 112 với chỉ số HDI là 0,691, trong đó chỉ số thu nhập là 0,52, chỉ số giáo dục là 0,82 và chỉ số tuổi thọ là 0,73. Theo các chỉ số này, Việt Nam năm 2004 là nước đứng trước Indonesia, Tajikistan, Ai Cập, Nam Phi, Ấn Độ..., những nước có thu nhập quốc dân cao hơn.

Trong Báo cáo Phát triển con người năm 2005, với sự khảo sát 177 quốc gia, Việt Nam xếp thứ 108 với chỉ số HDI là 0,704, trong đó chỉ số thu nhập là 0,54, chỉ số giáo dục là 0,82 và chỉ số tuổi thọ là 0,76. Theo các chỉ số này, Việt Nam vẫn là nước đứng trước Indonesia, Uzbekistan, Ai Cập, Nam Phi, Ấn Độ..., những nước có thu nhập quốc dân cao hơn Việt Nam. Thậm chí Nam Phi, cao hơn Việt Nam rất nhiều (GDP năm 2002 của Nam Phi là 2.290 USD/người = 10.070 USD/người tính theo PPP; GDP năm 2002 của Việt Nam là 436 USD/người = 2.300 USD/người tính theo PPP). Vị trí 108 của Việt Nam (Nam Phi: 120) đã thể hiện những thành tựu của Việt Nam trong lĩnh vực y tế và giáo dục. Những năm gần đây, Canada, Na Uy, Thụy Điển... và sau đó là Hoa Kỳ, Australia và Ireland... liên tục đứng đầu thế giới về chỉ số HDI. Năm nước châu Phi: Burundi, Bukina Faco, Ethiopia, Nigieria và Siera Leon vẫn xếp ở vị trí thấp nhất.

Theo dõi Báo cáo Phát triển con người năm 2003 và 2004, có người đặt ra câu hỏi rằng, tại sao năm 2003 Việt Nam xếp hạng thứ 109 mà đến năm 2004 Việt Nam lại đứng thứ 112?

Sở dĩ có sự biến động vị trí xếp hạng như vậy là do số lượng các nước được xếp hạng đã tăng lên, cách tính toán của UNDP có một số thay đổi và vị trí xếp hạng của các nước tương đương với Việt Nam cũng có thay đổi. Năm 2003, Việt Nam xếp thứ 109, nhưng trên tổng số là 175 nước; giá trị chỉ số HDI 2003 là 0,688 gồm chỉ số GDP là 0,51 (411 USD/người = 2.070 USD/người tính theo PPP; tổng GDP là 32,7 tỷ USD = 164,5 tỷ USD tính theo PPP), chỉ số giáo dục là 0,83 và chỉ số tuổi thọ là 0,73 (bình quân tuổi thọ 68,6). Thậm chí năm 2001, Việt Nam còn xếp thứ 101 với chỉ số HDI là 0,682; chỉ số tuổi thọ là 0,71; chỉ số giáo dục 0,84 và chỉ số GDP là 0,49.

VIỆT NAM: PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI QUA CÁC NĂM

Báo cáo PTCN năm	Tuổi thọ		GDP (tính theo PPP)		Giáo dục			HDI	
	thực tế (năm)	chỉ số	GDP /người	chỉ số	15 tuổi trở lên biết chữ (%)	tỷ lệ người đi học (%)	chỉ số	chỉ số	xếp hạng
1990	62	0,62	1000	0,38	80	-	-	0,608	74/130
1995	65,2	0,63	1010	0,38	91,9	49	0,78	0,539	120/170
1996	65,5	0,63	1040	0,39	92,5	51	0,79	0,540	121/174
1997	66,0	0,63	1208	0,42	93,0	55	0,80	0,557	121/175
1998	66,4	0,64	1236	0,42	93,7	55	0,81	0,560	122/174
1999	67,4	0,71	1630	0,47	91,9	62	0,82	0,644	110/174
2000	67,8	0,71	1684	0,47	92,2	63	0,83	0,671	108/174
2001	67,8	0,71	1860	0,49	93,1	67	0,84	0,682	101/162
2002	68,2	0,72	1996	0,50	93,4	67	0,84	0,688	109/173
2003	68,6	0,73	2070	0,51	92,7	64	0,83	0,688	109/175
2004	69,0	0,73	2300	0,52	90,3	64	0,82	0,691	112/177
2005	70,5	0,76	2490	0,54	90,3	64	0,82	0,704	108/177

Nguồn: Báo cáo Phát triển con người (HDR) của UNDP qua các năm

Vấn đề là ở chỗ, giá trị tuyệt đối của chỉ số HDI của Việt Nam những năm gần đây đều tăng, phản ánh đời sống toàn dân được cải thiện cả về thu nhập bình quân đầu người, tuổi thọ và giáo dục. Năm 2001: HDI của Việt Nam là 0,682; năm 2003: 0,688; năm 2004: 0,691; năm 2005: 0,704. Dĩ nhiên, tốc độ tăng này chưa phải là cao, song nên lưu ý rằng, để tăng được chỉ số phát triển con người, thì cả ba chỉ số đều phải có tiến triển, mà ta biết rằng, để tuổi thọ bình quân cả nước tăng lên được chút ít thì đòi hỏi tất cả mọi mặt của đời sống xã hội đều phải tốt lên, từ y tế, chăm sóc sức khỏe, đến thu nhập, chế độ ăn uống, thể dục thể thao... và còn phải không có dịch bệnh nữa. Điều này rõ ràng không dễ chút nào.

IV. Chỉ số HPI

Để làm rõ thêm những khía cạnh xã hội của sự phát triển, từ năm 1997, chỉ số HPI (Human Poverty Index - thường được dịch là *Nghèo khả năng phát triển con người* có người dịch là *Chỉ số nghèo khổ tổng hợp*) - đã được sử dụng trong Báo cáo Phát triển con người. Trong khi chỉ số HDI đo thành tựu cộng đồng về phát triển con người thì chỉ số HPI đo sự thiệt thòi và những rào cản đối với phát triển con người. Theo quan điểm phát triển con người, *nghèo khả năng phát triển* được hiểu là sự thiếu hụt các cơ hội và thiếu khả năng lựa chọn để có một cuộc sống có thu nhập tốt, trường thọ và có giáo dục.

Chỉ số HPI được tính riêng cho hai nhóm nước: HPI-1 cho các nước đang phát triển và HPI-2 cho các nước thuộc Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD). HPI -1 đo mức độ *nghèo khả năng phát triển con người* qua 5 chỉ số: 1) Tuổi thọ - đo bằng tỷ lệ những người không sống quá 40 tuổi; 2) Kiến thức - đo bằng tỷ lệ người lớn (trên 15 tuổi) mù chữ; 3) Tỷ lệ người không được sử dụng nước sạch hoặc Tỷ lệ người không được hưởng các dịch vụ y tế; 4) Tỷ lệ người dân không được hưởng các dịch vụ vệ sinh và 5) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng. Giá trị HPI thấp nhất là 0, cao nhất là 100%. Ngược với HDI, giá trị chỉ số HPI càng thấp thì khả năng

phát triển càng cao. Nếu chỉ số HPI của cộng đồng (được đo HPI) có giá trị thấp thì điều đó phản ánh trình độ phát triển của cộng đồng đó tốt hơn, ngược lại, nếu chỉ số HPI của cộng đồng đó có giá trị cao thì trình độ phát triển của cộng đồng đó kém hơn.

VIỆT NAM: CHỈ SỐ HPI 1997-2005

Xếp hạng theo HDI		Chỉ số HPI-1 Xếp hạng Giá trị (%)		Không thọ quá 40 tuổi (%)	Người mù chữ (từ 15 tuổi trở lên) (%)	Không được sử dụng các nguồn nước sạch (%)	Không được sử dụng các dịch vụ y tế (%)	Trẻ em dưới 5 tuổi SDD (%)	Số dân sống dưới ngưỡng nghèo (%)	
									1\$ một ngày	Ngưỡng nghèo quốc gia
1997	121/175	33/78	26,2	12,1	7,0	57	10	45	-	-
1998	122/174	-	26,1	11	6,3	57	10	45	..	51,0
1999	110/174	51/92	28,7	11,6	8,1	57	-*	41	..	51,0
2000	108/174	47/85	28,2	11,2	7,1	55	..	41	..	50,9
2001	101/162	45/90	29,1	12,8	6,9	44	-	39	..	50,9
2003	109/175	39/94	19,9	10,7	7,3	23	-	33	17,7	..
2004	112/177	41/95	20,0	10,7	9,7	23	-	33	17,7	50,9
2005	108/177	47/103	21,2	9,4	9,7	27		33		50,9

Nguồn: Báo cáo Phát triển con người 1997-2005

Từ năm 1997 đến nay, chỉ số HPI của Việt Nam và vị trí xếp hạng của Việt Nam trong số các nước đang phát triển được tính HPI-1 đã có những thay đổi tích cực: năm 1999 Việt Nam xếp thứ 51 trong số 92 nước đang phát triển được tính HPI -1; năm 2000 Việt Nam xếp thứ 47/85; năm 2001 Việt Nam xếp thứ 45/90. Trong *Báo cáo Phát triển con người của UNDP năm 2003*, với giá trị là 19,9%, Việt Nam đứng thứ 39/94 trong bảng xếp hạng HPI-1. Trong *Báo cáo Phát triển con người của UNDP năm 2004*, với giá trị là 20,0%, Việt Nam đứng thứ 41/95 trong bảng xếp hạng HPI-1. Trong thành phần chỉ số HPI-1, tỷ lệ dân không được sử

dụng các nguồn nước sạch ở Việt Nam đã giảm từ 57% năm 1997 xuống còn 44% năm 2001, 23% năm 2003 và 23% năm 2004. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng cũng giảm từ 45% năm 1997 xuống còn 41% năm 1999, 41% năm 2000, 39% năm 2001, 33% năm 2003, 2004 và 2005.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM: MỘT VÀI CHỈ BÁO NGHÈO

Năm	Nông thôn	Thành thị	Toàn quốc
1993	66%	25%	58%
1998	45%	9%	37%
2002	35%	6%	29%

Nguồn: Báo cáo tiến độ thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ 2003. tr.1.
(Tiêu chuẩn quốc gia ³)

VIỆT NAM: 12 TỈNH ĐỨNG ĐẦU VÀ 12 TỈNH ĐỨNG CUỐI VỀ TỶ LỆ NGHÈO (2002. TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ ⁴)

TP Hồ Chí Minh 1,8%	Khánh Hoà 9,1%	Kon Tum 45,3%	Gia Lai 63,3%
Đà Nẵng 3,5%	Đồng Nai 9,9%	Hà Tĩnh 48,0%	Sơn La 63,9%
Hà Nội 5,0%	Bắc Ninh 11,5%	Thanh Hoá 48,8%	Hoà Bình 66,1%
Bà Rịa - Vũng Tàu 6,9%	Hải Phòng 12,0%	Đắk Lắk 54,3%	Bắc Cạn 66,8%
Quảng Ninh 7,2%	An Giang 14,4%	Lao Cai 59,4%	Hà Giang 70,5%
Bình Dương 8,4%	Bến Tre 14,7%	Cao Bằng 61,7%	Lai Châu 76,6%

³ Ngưỡng nghèo quốc gia do Bộ LĐTB&XH quy định: được coi là nghèo các hộ gia đình có mức thu nhập dưới 80 nghìn VND/người/tháng - theo LHQ tại Việt Nam (2003), *Báo cáo tiến độ thực hiện các MDG*, tr.69.

⁴ Ngưỡng nghèo quốc tế: dưới 1 USD/ ngày tính theo PPP năm 1985 (hay 1,08 USD/ ngày theo PPP năm 1993). Ngoài ra chuẩn quốc tế còn tính chuẩn nghèo lương thực: dưới 2.100 calo/ người/ ngày - theo WB (2003), *Báo cáo phát triển thế giới 2003*, tr.347.

Việt Nam đã vượt trước thời hạn thực hiện mục tiêu giảm một nửa tỷ lệ nghèo trong giai đoạn năm 1990-2015, hoàn toàn có khả năng giảm tỷ lệ hộ sống dưới ngưỡng nghèo xuống 20% trước năm 2010 (Đánh giá của UNDP).

Nguồn: Báo cáo tiến độ thực hiện các mục tiêu Thiên niên kỷ (MDG) 2003. tr.3

TỶ LỆ DÂN SỐ CÓ MỨC SỐNG DƯỚI NGƯỠNG NGHÈO (%). SO SÁNH VỚI MỘT SỐ NƯỚC

	Nông thôn	Thành thị	Toàn quốc
Việt Nam 2002	35	6	29
Malaysia 1989	-	-	15,5
Albania 1996	-	15	-
Angieri 1995	30,3	14,7	22,6
Trung Quốc 1998	4,6	2	4,6
Ấn Độ 1994	36,7	30,5	35
Thailand 1992	15,5	10,2	13,1
Philippines 1997	50,7	21,5	36,8
Indonesia 1999	-	-	27,1

Nguồn: WB (2003), Báo cáo phát triển thế giới 2003. Nxb Chính trị quốc gia, tr. 336 - 337. (Theo tiêu chuẩn riêng của từng quốc gia)

Có thể nói, bộ công cụ HDI (bao gồm cả HPI) của UNDP về phát triển con người buộc các nước phải nhìn nhận vấn đề một cách thực tế, không viển vông, đồng thời đây cũng là bộ công cụ khá lý tưởng.

Nó thực tế ở chỗ, nhìn vào bảng chỉ số HDI, ta biết chỉ số kinh tế của Việt Nam hiện là 0,54 (482 USD/người = 2.490 USD/người tính theo PPP). Để đạt được chỉ số như Thailand hiện nay là 0,74 (2.305 USD/người = 7.595 USD/người tính theo PPP), rõ ràng Việt Nam còn phải phấn đấu với một thời gian có lẽ là không ngắn. Hay tuổi thọ bình quân của người Việt Nam hiện là 70,5 để tăng lên được 77 như Hàn Quốc, chắc cũng không thể chỉ mơ ước một cách đơn giản.

Nhưng bộ công cụ HDI cũng khá lý tưởng vì nó nhìn nhận vấn đề rất nhân văn và thúc đẩy mọi quốc gia phải có giải pháp cải thiện đời sống con người. Phát triển không có mục đích tự thân. Phát triển là phát triển vì con người. Không thể phủ nhận, mục

đích cuối cùng của mọi quá trình phát triển (về kinh tế, về xã hội, về môi trường, về văn hoá, v.v...) đều phải nhằm đảm bảo cho cuộc sống con người ngày càng đầy đủ, khỏe mạnh và trường thọ, trong sự phát triển bền vững. Và con người cũng chính là động lực đóng vai trò quyết định của tất cả các quá trình ấy. Điều này không chỉ thể hiện ở mặt lý thuyết. Sự khác biệt giữa quan điểm phát triển con người so với các quan điểm khác, trong thực tế, sẽ chi phối cách thức đối xử với các vấn đề xã hội.

Với giáo dục phổ cập và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, chẳng hạn. Nếu chỉ nhìn nhận hai lĩnh vực này theo quan điểm kinh tế học phát triển, người ta sẽ chỉ thấy đây là hai ngành “ngoại vi” của hoạt động kinh tế, tức là hai ngành mà khả năng của chúng nhiều lắm cũng chỉ là *tạo điều kiện* cho xã hội phát triển tốt hơn; và vì vậy, nếu như hiệu quả kinh tế của hai lĩnh vực này không đủ lớn, thì cách giải quyết chỉ có thể là “rót” thêm vào đây một phần phúc lợi xã hội có thể. Nhưng nếu nhìn nhận vấn đề theo quan điểm phát triển con người, thì giáo dục phổ cập và chăm sóc sức khỏe cộng đồng lại không phải chỉ là hai ngành *sinh lợi hay không sinh lợi*, cũng không phải chỉ là hai “vùng ngoại vi” có khả năng thúc đẩy xã hội tốt lên hay xấu đi. Mà đây là hai lĩnh vực thể hiện sự phát triển hợp lý hay không hợp lý của xã hội. Bởi lẽ, giáo dục phổ cập và chăm sóc sức khỏe cộng đồng chính là *hai chỉ báo nói lên năng lực sinh thể và năng lực tinh thần của dân cư*. Hai lĩnh vực này phát triển lành mạnh nghĩa là xã hội phát triển lành mạnh, chứ không phải chúng phát triển để tạo điều kiện cho xã hội phát triển. *Sức khoẻ và kiến thức không chỉ là phương tiện để mọi người đạt đến một cuộc sống hạnh phúc mà chúng chính là thành phần cơ bản của cuộc sống hạnh phúc*. Việc chăm lo cho giáo dục phổ cập và chăm sóc sức khỏe cộng đồng luôn luôn là sống còn và có ý nghĩa nhân văn ngay cả khi những lĩnh vực này không sinh lợi về kinh tế.

Với Việt Nam, bộ công cụ HDI đã cho cộng đồng thế giới thấy rõ hơn những thế mạnh của đất nước và sự cố gắng của Đảng, Nhà nước cũng như của toàn thể cộng đồng trong việc chăm lo đến đời sống tinh thần và cải thiện sức khoẻ của từng người dân. Mặc dù

chỉ số kinh tế còn thấp, nhưng nhờ tuổi thọ bình quân đạt 70,5 năm và tỷ lệ người lớn biết đọc biết viết đạt tới 90,3% nên vị trí của Việt Nam trong bảng xếp hạng HDI lại khá cao so với trình độ kinh tế, xếp hạng HDI đứng trước nhiều nước có GDP cao hơn Việt Nam. Điều đó là một khích lệ lớn cho mỗi người phấn đấu vì mục tiêu phát triển con người.

V. Điều bị che khuất

Tuy nhiên, chỉ số HDI không phải là không có mặt trái của nó. Với tính khái quát và phép quy giản để tìm ra các đại lượng tương đối phản ánh đời sống vật chất, năng lực sinh thể và năng lực tinh thần của cư dân, bộ công cụ HDI có thể che giấu những hạn chế trong phát triển kinh tế, những yếu kém trong chất lượng giáo dục, những tiêu cực trong thực trạng trật tự an toàn xã hội, những hiện tượng tham nhũng trong bộ máy công quyền, hay những bất ổn trong đảm bảo an toàn giao thông công cộng...

Chẳng hạn, nếu so sánh Việt Nam năm 2005 với Nam Phi, một nước khá phát triển, thì Việt Nam có vị trí xếp hạng HDI là 108, đứng trước Nam Phi 12 bậc, vì Nam Phi xếp hạng HDI thứ 120. Nhưng thực ra, ai đã đến Nam Phi thì thật khó chấp nhận Nam Phi kém Việt Nam. (Lưu ý rằng Nam Phi có thu nhập quốc dân đầu người 10.346 USD trong khi Việt Nam là 2.490 USD tính theo PPP). Hay nếu so sánh về chỉ số giáo dục, Việt Nam (0,82) có vị thế tương đương với Malaysia (0,83) và Trung Quốc (0,84), cao hơn Thổ Nhĩ Kỳ (0,82) và thậm chí cao hơn rất nhiều so với Ấn Độ (0,61). Nhưng thực ra, nhiều người biết rằng nền giáo dục của Malaysia, Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ và Ấn Độ đều là những nền giáo dục mà Việt Nam còn phải học hỏi rất nhiều. Người đứng trước có quyền tự hào, nhưng vẫn cần thiết phải tỉnh táo.

Với chỉ số giáo dục là 0,82 = 90,3% người lớn biết đọc biết viết và 64% số người ghi danh đi học các cấp; con số này còn che giấu những hạn chế trong chất lượng giáo dục, trình độ đào tạo nguồn nhân lực. Chúng ta tự hào về thành tựu đã đạt được trong nền giáo dục, song không nên quên rằng, hai số liệu này chưa nói lên

khả năng của giáo dục có thể đáp ứng yêu cầu của sự phát triển đất nước đến mức nào, người tài, nguồn nhân lực chất lượng cao được đào tạo từ nền giáo dục có trình độ ra sao so với các nền giáo dục khác... Trên thực tế, thực trạng giáo dục của ta còn có nhiều vấn đề bức xúc, thậm chí có cả những ung nhọt. Đương nhiên, với những ung nhọt thì cần phải giải phẫu để Việt Nam không ngừng cải thiện chỉ số phát triển con người như Nghị quyết Đại hội X của Đảng đã yêu cầu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII. H.: Chính trị quốc gia, 1996.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Hội nghị lần thứ 5 BCH Trung ương khoá VIII. H.: Chính trị quốc gia, 1998.
3. I. T. Frolov. Tư duy mới về chủ nghĩa nhân đạo mới. Trong sách Viện sĩ I. T. Frolov. M.: Nauka, 2001.
4. I. T. Frolov. Trở lại với con người. T/c Nghiên cứu con người, số 1/2002.
5. В. И. Самохвалова. Человек и мир: проблема антропоцентризма, Философские науки, số 3/1992.
6. Hồ Sĩ Quý. Con người là trung tâm: sự khác biệt giữa hai quan điểm tiêu biểu, T/c Triết học, số 11/2002.
7. Toàn cầu hóa với gương mặt con người. HDR, 1999.
8. Tổ hợp Duke. Kinh nghiệm không chỉ của giám đốc. Báo Đại đoàn kết, số 29, 12-14/4/2000.
9. Trung tâm KHXH và NVQG. Phát triển con người: Từ quan niệm đến chiến lược và hành động. H.: Chính trị quốc gia, 1999.
10. Trung tâm KHXH và NVQG. Báo cáo Phát triển con người Việt Nam 2001. H.: Chính trị quốc gia, 2001.
11. UNDP. HDR, 1990-2005.
12. P. Streeten. Ten years of Human Development. UNDP. HDR, 1999.

-
13. Viện Nghiên cứu Con người. Trở lại với con người: nghiên cứu con người qua tài liệu nước ngoài. H.: Khoa học xã hội, 2003.
 14. E. Wayne Nafziger. Kinh tế học của các nước đang phát triển. H.: Thống kê, 1998.
 15. Website của UNDP tại Hà Nội: www.undp.org.vn; UNESCO tại Hà Nội: www.unesco.org.vn; Hội nghị Quốc gia về phát triển bền vững: www.va21.org